

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2026/HS-ST.

Ngày: 20 - 3 - 2026.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ngẫu.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Xuân Lâm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Tứ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 73/2026/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2026/QĐXXST- HS ngày 06 tháng 3 năm 2026, đối với bị cáo:

Trần Thiện Đ, sinh năm 1978 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Số CCCD: (không có). Nơi đăng ký thường trú và nơi sinh sống: Không xác định (Sống lang thang); Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Đức N (đã chết) và bà Lê Thị Thu H (đã chết); sống chung như vợ chồng (không đăng ký kết hôn) với Phạm Thị L, có 03 con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2003.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 16/10/2001 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Đến ngày 08/7/2008 chấp hành xong.

+ Ngày 25/11/2010 bị Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xử

phạt 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đến ngày 02/6/2013 chấp hành xong.

+ Ngày 27/11/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Đến ngày 07/8/2021 chấp hành xong.

- Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/7/2025 theo biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp ngày 10/7/2025 và chuyển tạm giam tại Phân trại tạm giam L (cơ sở 1).

- Bị hại:

1/ Bà Phạm Thị T, sinh năm 1968. Số CCCD: 075168002400.

Thường trú: Ấp C, xã L, tỉnh Đồng Nai.

Nơi sinh sống: đường N, ấp A, xã L, tỉnh Đồng Nai.

2/ Bà Hoàng Thị Ngọc Á, sinh năm 1972. Số CCCD: 075172015361

Thường trú và nơi sinh sống: đường N, khu Tái định cư L - B, xã L, tỉnh Đồng Nai.

(Bị cáo Đ và bị hại bà Phạm Thị T có mặt tại phiên tòa; bị hại bà Hoàng Thị Ngọc Á vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài nên Trần Thiện Đ nảy sinh ý định dùng xe mô tô đi cướp giật tài sản của người đi đường bán lấy tiền tiêu xài. Đ đã thực hiện 02 vụ cướp giật tài sản trên địa bàn xã L, tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

- Vụ thứ nhất: Vào khoảng 06 giờ 55 phút ngày 01/7/2025, Đ điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ - đen biển số 69D1-190.50 đi từ Thành phố Hồ Chí Minh, đến địa bàn xã L, tỉnh Đồng Nai để cướp giật tài sản. Khi đi đến đường D khu tái định cư L - B thuộc ấp A, xã L, tỉnh Đồng Nai, Đ thấy bà Hoàng Thị Ngọc Á, sinh năm 1972, ngụ tại đường N ấp A, xã L, tỉnh Đồng Nai đang điều khiển xe máy trên cổ đeo sợi dây chuyền bằng vàng 18K, trọng lượng 04 chỉ trị giá 26.800.000 đồng (Hai mươi sáu triệu tám trăm ngàn đồng), Đ điều khiển xe mô tô áp sát xe bà Á và dùng tay trái giật sợi dây chuyền trên cổ bà Á rồi điều

khởi xe bỏ chạy thì bà Á tri hô và cùng người dân đuổi theo Đ, quá trình bị rượt đuổi Đ làm rơi sợi dây chuyền.

- Vụ thứ hai: Vào khoảng 07 giờ 50 phút ngày 04/7/2025, Đ điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ - đen biển số 69D1-190.50 đến góc đường N thuộc khu tái định cư L - B thuộc ấp A, xã L, tỉnh Đồng Nai thì phát hiện bà Phạm Thị T, sinh năm 1968, ngụ tại đường N ấp A, xã L, tỉnh Đồng Nai đang điều khiển xe mô tô trên cổ đeo 01 sợi dây chuyền bằng vàng 18K, trọng lượng 03 chỉ trị giá 20.160.000 đồng (Hai mươi triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng), Đ điều khiển xe áp sát xe của bà T từ phía sau và dùng tay trái giật sợi dây chuyền trên cổ bà T, sau đó Đ điều khiển xe chạy đến khu vực C, thành phố Hồ Chí Minh bán cho một tiệm vàng (không nhớ rõ địa chỉ) được số tiền 5.200.000 đồng (Năm triệu hai trăm nghìn đồng), Đ tiêu xài hết. Đến ngày 10/7/2025, Trần Thiện Đ bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ phát hiện bắt khẩn cấp. Trước Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập đúng trình tự pháp luật có tại hồ sơ vụ án.

Vật chứng vụ án: Xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ - đen biển số 69D1-190.50.

- Tại cáo trạng số 178/CT.VKS-KV2 ngày 03 tháng 02 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai đã truy tố bị cáo Trần Thiện Đ về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ - đen biển số 69D1-190.50 qua xác minh chủ sở hữu là anh Phạm Đức L1, anh L1 không biết Đ mượn xe đi cướp giật tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ trả lại xe cho anh L1 là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Thiện Đ bồi thường thiệt hại cho các bị hại theo yêu cầu của bị hại.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, tuyên bố bị cáo Trần Thiện Đ

phạm tội “Cướp giật tài sản”, đề nghị xử bị cáo Đ mức án từ 4 (bốn) năm đến 5 (năm) năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Bị hại bà Hoàng Thị Ngọc Á vắng mặt nhưng đã có đã có lời khai tại hồ sơ, việc vắng mặt của bị hại không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Á.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo, phù hợp với tài liệu, chứng cứ thu thập được tại hồ sơ vụ án và cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố, nên có cơ sở xác định: Từ ngày 01/7/2025 đến ngày 04/7/2025, Trần Thiện Đ đã 02 lần thực hiện hành vi điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ-đen biển số 69D1-190.50 đến khu vực xã L, tỉnh Đồng Nai, cướp giật 01 (một) sợi dây chuyền bằng vàng 18K, trọng lượng 04 chỉ của bà Hoàng Thị Ngọc Á có trị giá là 26.800.000 đồng (Hai mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng) và 01 (một) sợi dây chuyền bằng vàng 18K, trọng lượng 03 chỉ của bà Phạm Thị T có trị giá là 20.160.000 đồng (Hai mươi triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng) thì bị phát hiện xử lý. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” với tình tiết định khung “Dùng thủ đoạn nguy hiểm” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), (gọi tắt là Bộ luật hình sự năm 2015) như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội ở địa phương. Bị cáo có nhân thân xấu, mặc dù nhận thức được hành vi cướp giật tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện để có tiền tiêu xài. Do đó, cần có mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của

hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội. Căn cứ vào hành vi phạm tội, cần áp dụng hình phạt tù để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Áp dụng tình tiết thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Vật chứng và xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ - đen biển số 69D1-190.50 qua xác minh chủ sở hữu là anh Phạm Đức L1, anh L1 không biết Đ mượn xe đi cướp giật tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ trả lại xe cho anh L1 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại bà Phạm Thị T yêu cầu bị cáo bồi thường tài sản bị cáo chiếm đoạt là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), bị cáo đồng ý nên buộc bị cáo Trần Thiện Đ bồi thường số tiền này cho bà T. Bị hại bà Hoàng Thị Ngọc Á có lời khai yêu cầu bị cáo bồi thường tài sản bị cáo chiếm đoạt là giá trị dây chuyền khi mua là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng), bị cáo đồng ý nên buộc bị cáo Trần Thiện Đ bồi thường số tiền này cho bà Á.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), tuyên bố bị cáo Trần Thiện Đ phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Thiện Đ 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/7/2025.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Thiện Đ bồi thường cho bà Phạm Thị T số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) và bồi thường cho bà Hoàng Thị Ngọc Á số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu

cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Trần Thiện Đ phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo và bị hại bà Phạm Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại bà Hoàng Thị Ngọc Á có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSNDKV2-ĐN;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Phân trại tạm giam Long Thành – CS1;
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Lưu (VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Hoa